

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 01 - 2018.

*V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa
chị B và anh N*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Thúy
2. Bà Phạm Hồng Thiêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên
tòa:** Bà Vũ Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 264/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1976; (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình;

Chỗ ở hiện nay: Xóm 05, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình;

Bị đơn: Anh **Giang Văn N**, sinh năm 1971; (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình;

Chỗ ở hiện nay: Xóm 01, thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, tại các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N tự nguyện tìm hiểu và cưới có đăng ký kết hôn ngày 19/7/1994 tại UBND xã Thái, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống được 23 năm, những năm đầu thì sống hòa thuận nhưng đến năm 2012 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do những va chạm trong sinh hoạt hàng ngày diễn ra trong một thời gian dài, chị không chịu đựng thêm được nữa nên chị đã đưa cả 3 con ra thuê nhà để ở tại xóm 05, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình và không còn quan tâm tới anh N. Nay chị thấy tình

cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh N.

Về quan hệ con chung: Chị và anh N có 03 con chung là Giang Thị T sinh ngày 06/11/1994; Giang Thị Khánh N sinh ngày 26/08/2000; Giang Thị Linh C sinh ngày 15/6/2007. Con T đã xây dựng gia đình đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị nhận nuôi cả 2 con N và C, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị xác định trong thời kỳ hôn nhân có tài sản gì chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh chị không vay mượn tài sản của ai và không có tài sản gì cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, tại các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Giang Văn N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh và chị B đúng như chị B trình bày. Nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn do những va chạm trong sinh hoạt hàng ngày diễn ra trong một thời gian dài. Chị đã đưa cả 3 con ra thuê nhà để ở tại Xóm 05, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình và không còn quan tâm tới anh. Nay chị xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: anh N và chị B có 03 con chung là Giang Thị Th sinh ngày 06/11/1994; Giang Thị Khánh N sinh ngày 26/08/2000; Giang Thị Linh C sinh ngày 15/6/2007. Con Th đã xây dựng gia đình đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn anh đồng ý để 2 con N và C, cho chị B nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản và nợ chung: Anh xác định trong thời kỳ hôn nhân có tài sản gì chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh chị không vay mượn tài sản của ai và không có tài sản gì cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa anh N không khai gì thêm.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị B được ly hôn với anh N. Xử giao cho chị B trực tiếp nuôi dạy 02 con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị B và anh N tự nguyện tìm hiểu và cưới có đăng ký kết hôn ngày 19/7/1994 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (*Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ,1994*) là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, anh chị đã chung sống với nhau trong một thời gian dài, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, việc anh chị xảy ra mâu thuẫn cả hai đều thừa nhận là có thật, chị B đã đưa 2 con thuê nhà ra ở riêng và không còn quan tâm đến anh Niệm trong một thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy cả hai đều không còn yêu thương tôn trọng nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho anh chị. Do đó, áp dụng các điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị B được ly hôn với anh N là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Chị B và anh N có 03 con chung là Giang Thị Th sinh ngày 06/11/1994; Giang Thị Khánh N sinh ngày 26/08/2000; Giang Thị Linh C sinh ngày 15/6/2007. Con Th đủ 18 tuổi, cả hai anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Xét nguyện vọng nhận nuôi 2 con Khánh N và Linh C, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con của chị B thì thấy anh N đồng ý giao cả 2 con cho chị B nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Do vậy chấp nhận yêu cầu của chị B giao 2 con cho chị B nuôi dưỡng. Chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị B và anh N đều xác định trong thời kỳ hôn nhân có tài sản chung nhưng cả hai đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh chị xác định không vay mượn tài sản của ai và không có tài sản gì cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Chị B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Giang Văn N

2. Về con chung: Chị B và anh N có 03 con chung là Giang Thị Th sinh ngày 06/11/1994; Giang Thị Khánh N sinh ngày 26/08/2000; Giang Thị Linh C sinh ngày 15/6/2007. Con Th đủ 18 tuổi, cả hai anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Xử giao 2 con Giang Thị Khánh N và Giang Thị Linh C cho chị B nuôi dưỡng. Chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị B và anh N có quyền thay đổi nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị B và anh N đều xác định trong thời kỳ hôn nhân có tài sản chung nhưng cả hai đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh chị xác định không vay mượn tài sản của ai và không có tài sản gì cho ai vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị B phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền tạm ứng án phí ly hôn chị B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, biên lai số 0001198 ngày 20/10/2017 sang thi hành án phí.

Chị B, anh N có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/01/2018.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T;
huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái
Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện
Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hằng